

Số: **6090**/KH-SYT

Đồng Nai, ngày **06** tháng 10 năm 2020

KẾ HOẠCH

Triển khai bổ sung vắc xin bại liệt tiêm (IPV) và vắc xin bại liệt uống (bOPV) cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020 - 2021

Căn cứ Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;

Căn cứ Quyết định 2126/QĐ-BYT ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch tiêm bổ sung vắc xin bại liệt (IPV) năm 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 2545/QĐ-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch uống bổ sung vắc xin bại liệt (bOPV) cho trẻ dưới 5 tuổi tại vùng nguy cơ cao năm 2020;

Căn cứ Công văn số 721/VSDTTU-TCQG ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương về việc xây dựng kế hoạch tiêm bổ sung vắc xin bại liệt (IPV) năm 2020-2021;

Căn cứ Công văn số 855/VSDTTU-TCQG ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương về việc triển khai uống bổ sung vắc xin bại liệt (bOPV) cho trẻ dưới 5 tuổi vùng nguy cơ cao;

Nhằm duy trì thành quả thanh toán bệnh bại liệt, Sở Y tế xây dựng Kế hoạch triển khai bổ sung vắc xin bại liệt tiêm (IPV) và vắc xin bại liệt uống (bOPV) cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020-2021, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức 02 Chiến dịch bổ sung vắc xin bại liệt (Chiến dịch tiêm vắc xin IPV và Chiến dịch uống vắc xin bOPV) cho trẻ em trên địa bàn tỉnh, tăng tỷ lệ miễn dịch phòng bệnh bại liệt trong cộng đồng nhằm chủ động phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ thành quả thanh toán bệnh bại liệt.

2. Mục tiêu cụ thể

- Trên 90% trẻ đối tượng được tiêm bổ sung 01 mũi vắc xin bại liệt trong Chiến dịch tiêm vắc xin IPV.

- Trẻ em dưới 05 tuổi vùng nguy cơ cao được uống đủ 02 liều vắc xin bại liệt bOPV trong 02 vòng Chiến dịch uống vắc xin bOPV, đạt $\geq 95\%$ trên quy mô xã, phường, thị trấn.

II. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI

1. Thời gian triển khai

- Chiến dịch tiêm vắc xin IPV: Quý IV/2020 đến Quý II/2021.
- Chiến dịch uống vắc xin bOPV: Quý IV/2020 (Tổ chức 02 vòng uống vắc xin bại liệt bOPV bổ sung cách nhau 1 tháng, mỗi đợt kéo dài 03 đến 05 ngày).

(Thời gian cụ thể theo hướng dẫn của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)

2. Phạm vi triển khai

- Chiến dịch tiêm vắc xin IPV: triển khai trên quy mô toàn tỉnh ở tất cả 170 xã, phường, thị trấn thuộc 11 huyện, thành phố.
- Chiến dịch uống vắc xin bOPV: triển khai tại 153 xã, phường thuộc 10 huyện, thành phố (trừ huyện Trảng Bom, đã triển khai năm 2019).

3. Đối tượng

- Chiến dịch tiêm vắc xin IPV: trẻ sinh từ ngày 01/3/2016 đến ngày 28/02/2018 chưa được tiêm vắc xin IPV (trừ trường hợp có bằng chứng đã tiêm ít nhất 01 mũi vắc xin phối hợp có thành phần bại liệt nhưng vẫn lập vào danh sách đối tượng và đưa vào tổng số đối tượng để quản lý); dự kiến 106.080 trẻ.
- Chiến dịch uống vắc xin bOPV: Tất cả trẻ sinh từ 01/01/2015 đến 31/12/2019 đang có mặt tại 10 huyện/thành phố, bao gồm cả những trẻ đã từng uống hoặc tiêm vắc xin bại liệt trước đó (trừ trường hợp mới uống vắc xin bại liệt trong vòng 1 tháng trước ngày triển khai tiêm chủng); dự kiến 212.300 trẻ.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tổ chức hội nghị triển khai và tập huấn

Hội nghị triển khai được tổ chức ở tuyến tỉnh và tuyến huyện để quán triệt tầm quan trọng, ý nghĩa mục đích chiến dịch và thông qua các chỉ tiêu, biện pháp triển khai để đảm bảo chiến dịch được tổ chức với hiệu quả cao nhất. Tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia Chiến dịch của tuyến huyện và tuyến xã nhằm bảo đảm thực hiện đúng quy định.

1.1. Tuyến tỉnh

- Hội nghị triển khai do Sở Y tế chủ trì
- Lớp tập huấn tuyến tỉnh cho Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh: Trung tâm Y tế Kiểm soát bệnh tật tỉnh chủ trì.
- Hội nghị tổng kết: Trung tâm Y tế Kiểm soát bệnh tật tỉnh chủ trì.

1.2. Tuyến huyện

- Hội nghị triển khai tại các huyện, thành phố (gọi chung là tuyến huyện) do UBND huyện chủ trì.
- Lớp tập huấn tuyến huyện cho trạm y tế xã, phường, thị trấn (gọi chung là tuyến xã), do các huyện lập kế hoạch tổ chức tập huấn với sự hỗ trợ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

(Thời gian tổ chức các Hội nghị, tập huấn tùy thuộc vào hướng dẫn của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương).

2. Điều tra, lập danh sách đối tượng

- **Thời gian triển khai:** Trước khi tổ chức đợt tiêm chủng tối thiểu 1 tháng.

- **Đối tượng điều tra, lập danh sách:** Đối tượng được quy định tại Mục 3 phần II nêu trên.

+ **Trẻ tiêm bổ sung vắc xin IPV:** Tất cả trẻ sinh từ ngày 01/3/2016 đến ngày 28/02/2018 chưa được tiêm vắc xin IPV (*Phụ lục 1 đính kèm*).

+ **Trẻ uống bổ sung vắc xin bOPV:** Tất cả trẻ sinh từ 01/01/2015 đến 31/12/2019 (*Phụ lục 2 đính kèm*).

- Việc điều tra, lập danh sách đối tượng cần chú ý:

+ Danh sách phải lập theo đúng đối tượng của từng chiến dịch (tiêm hoặc uống) nêu trên.

+ Rà soát danh sách đối tượng trong sổ quản lý và phần mềm tiêm chủng; sổ quản lý và phần mềm quản lý của cán bộ dân số tại địa phương.

+ Tổ chức điều tra trong trường học (đối với trẻ có đi học): Lập danh sách theo lớp đối với trẻ trong độ tuổi của từng chiến dịch tại các nhà trẻ, mẫu giáo. Trung tâm Y tế huyện phối hợp với phòng Giáo dục chỉ đạo các trường mẫu giáo mầm non phối hợp lập danh sách trẻ cần tiêm chủng theo từng lớp. Cán bộ Y tế xã cần trao đổi với Ban giám hiệu các trường về kế hoạch phối hợp triển khai với trạm y tế, đề nghị nhà trường bố trí giáo viên, cán bộ y tế học đường... thống kê đầy đủ học sinh trong độ tuổi theo từng lớp học.

+ Điều tra tại cộng đồng (đối với những trẻ không đi học): Lập danh sách trẻ trong độ tuổi của từng chiến dịch tại cộng đồng theo tổ/ấp/thôn/bản với sự tham gia của cán bộ y tế ấp, khu phố, cộng tác viên dân số, trưởng thôn... Danh sách bao gồm cả đối tượng vắng lai, lưu ý những trẻ chưa được quản lý trong sổ tiêm chủng, chưa có tên trên phần mềm Hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia tại vùng sâu, vùng xa, vùng giáp ranh và nơi có biến động dân cư.

+ Khi thực hiện điều tra đối tượng cần kết hợp truyền thông cho các hộ gia đình về chiến dịch tiêm chủng, đặc biệt đối với vùng nguy cơ với những hộ gia đình ở nơi xa, các vùng có biến động dân cư, các khu nhà trọ, làng bè,...

+ Trong quá trình điều tra phải đặc biệt chú ý điều tra trẻ em ở vùng sâu, vùng xa, vùng giáp ranh, các khu nhà trọ, trẻ di nhập cư, tạm trú, sống lưu động... Trước khi hoàn thiện bảng tổng hợp kết quả điều tra đối tượng, Trạm Y tế cần rà soát đối chiếu tất cả danh sách trẻ để thống nhất số đối tượng cần tiêm vắc xin theo quy định. Công tác điều tra, thống kê đối tượng phải được hoàn thành tối thiểu 05 ngày trước chiến dịch.

Lưu ý:

- Những đối tượng đã được uống vắc xin bOPV trong vòng 01 tháng trở lại thì không uống bổ sung nhưng lập danh sách riêng để quản lý, theo dõi.

- KHÔNG tiêm vắc xin IPV cho những đối tượng đã được tiêm vắc xin phối hợp có chứa thành phần bại liệt trước đây nhưng vẫn đưa trẻ vào danh sách điều tra đối tượng để quản lý.

+ Trạm Y tế lập Danh sách điều tra đối tượng cần uống bổ sung vắc xin bOPV và Danh sách điều tra đối tượng cần tiêm bổ sung vắc xin IPV và báo cáo về Trung tâm Y tế huyện, thành phố theo quy định.

+ Trung tâm Y tế huyện, thành phố tổng hợp và báo cáo kết quả điều tra đối tượng về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh theo quy định.

3. Truyền thông

- Thời gian triển khai: trước và trong khi triển khai chiến dịch.

- Hoạt động truyền thông nhằm đảm bảo các đối tượng liên quan và cộng đồng xã hội có hiểu biết cụ thể và rõ ràng về chiến dịch. Phối hợp liên ngành, áp dụng nhiều hình thức truyền thông như báo, đài, áp phích, băng rôn, tờ rơi; phổ biến trong các cuộc họp ở ấp, khu phố, đoàn thể... Đặc biệt cần chú trọng truyền thông trực tiếp đến hộ gia đình trong khi tiến hành điều tra, đăng ký và phát giấy mời cho các đối tượng.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (Khoa Truyền thông Giáo dục Sức khỏe), Trung tâm Y tế các huyện và trạm y tế các xã cần phối hợp với Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai, Báo lao động Đồng Nai, các đài truyền thanh huyện, xã.... xây dựng chương trình truyền thông, đưa tin về chiến dịch. Thực hiện tuyên truyền liên tục ít nhất 2 tuần trước, trong suốt thời gian tổ chức chiến dịch.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp và hỗ trợ Ngành Y tế tuyên truyền đến phụ huynh, phát giấy mời hay thông báo đến các bậc phụ huynh để biết rõ các thông tin cơ bản về địa điểm và thời gian sẽ tổ chức tiêm chủng cho học sinh của trường. Cụ thể, tại các trường mầm non: Trạm Y tế xã/phường phối hợp với nhà trường thực hiện truyền thông trực tiếp cho các bậc phụ huynh về sự cần thiết tiêm chủng vắc xin, gửi giấy mời cho phụ huynh học sinh thông báo thời gian, địa điểm tiêm chủng.

- UBND các huyện chỉ đạo phòng Văn hóa thông tin, Đài truyền thanh huyện, xã và UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp ngành Y tế tổ chức tuyên truyền về chiến dịch tiêm chủng cho trẻ để mọi tầng lớp nhân dân hiểu và đưa trẻ đến để tiêm chủng.

- UBND xã, phường, thị trấn chỉ đạo Ban văn hóa thông tin xã, phường, thị trấn, các ban ngành tăng cường truyền thông về chiến dịch trên địa bàn.

Lưu ý: Khuyến cáo gia đình cho trẻ ăn uống đầy đủ trước khi tham gia buổi tiêm chủng.

4. Cung ứng vắc xin và vật tư tiêm chủng

4.1. Dự trữ vắc xin và vật tư tiêm chủng

- Nguồn vắc xin (bOPV và IPV) và vật tư tiêm chủng được Dự án Tiêm chủng mở rộng Quốc gia và Viện Pasteur TP Hồ Chí Minh cung cấp đầy đủ theo nhu cầu kế hoạch. Ước tính khoảng 131.050 liều vắc xin IPV loại 0,5ml và khoảng 509.540 liều vắc xin bOPV (số đầu nhỏ giọt 25.477 cái).

- Vắc xin và vật tư tiêm chủng sẽ được cung cấp từng đợt theo kế hoạch; Trung tâm Y tế các huyện, thành phố báo cáo kết quả điều tra đúng thời gian quy định; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tổng hợp, có kế hoạch cấp phát cụ thể, phù hợp. Các đơn vị phải có kế hoạch cụ thể, chi tiết về nhận, phân bổ vắc xin, vật tư tiêm chủng; việc nhận, phân bổ vắc xin, vật tư tiêm chủng sẽ hoàn tất trước khi triển khai chiến dịch.

4.2. Tiếp nhận, bảo quản, vận chuyển vắc xin IPV

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tiếp nhận và bảo quản vắc xin IPV tại kho của tỉnh và thực hiện cấp phát vắc xin IPV cho Trung tâm Y tế huyện, thành phố ít nhất là 01 tuần trước khi tổ chức tiêm chủng.

- Trung tâm Y tế huyện, thành phố tiếp nhận vắc xin từ kho tỉnh về kho huyện, thành phố để bảo quản và cấp phát cho các xã 1 ngày trước khi tiêm chủng hoặc ngay trước buổi tiêm chủng.

- Tuyên xã/phường tiếp nhận vắc xin từ các Trung tâm Y tế tuyến huyện, bảo quản và vận chuyển vắc xin cho các điểm tiêm chủng.

5. Tổ chức tiêm chủng

5.1. Thời gian tổ chức

- Chiến dịch uống bổ sung vắc xin bOPV: Quý III và Quý IV/2020

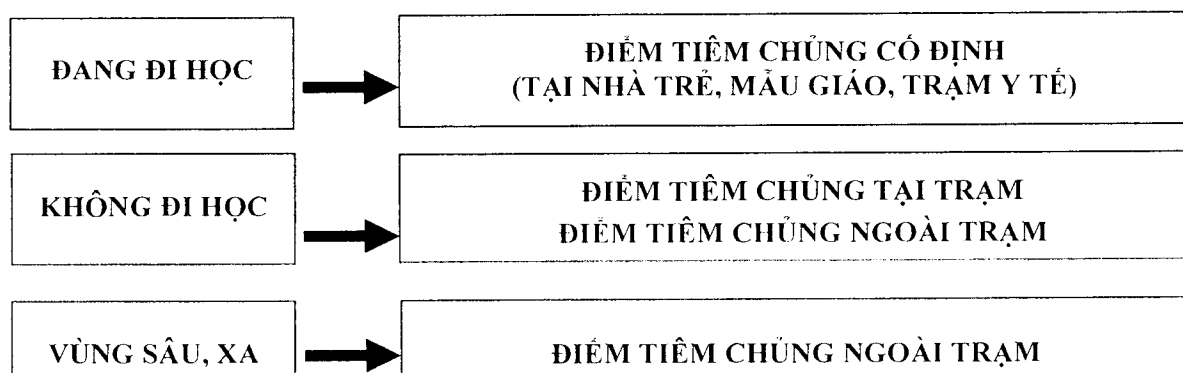
- Chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin IPV: Từ Quý IV/2020 đến Quý II/2021

(Thời gian cụ thể theo văn bản triển khai của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương).

5.2. Hình thức triển khai

Mỗi chiến dịch được tổ chức đồng loạt tại các trường mẫu giáo, mầm non, nhà trẻ hoặc các cơ sở y tế ...trong một hoặc nhiều đợt theo cụm xã/ấp tùy vào điều kiện của từng địa phương. Thực hiện tiêm vét/uống vét cho những trẻ bị sót ngay cuối mỗi đợt hoặc trong tiêm chủng thường xuyên.

Trẻ có thể được phân thành 03 nhóm đối tượng và nên tổ chức tiêm/uống vắc xin tại những nơi tương ứng như sau:



a) Điểm tiêm chủng tại trạm y tế

Điểm tiêm chủng phải thuận tiện, thoáng mát, đủ rộng để có thể bố trí được nơi đón tiếp, bàn khám phân loại, bàn tiêm chủng và ghi chép. Phải bố trí các bàn sao cho thuận tiện, đảm bảo tính 1 chiều. Bảo đảm đúng yêu cầu về nhân lực tiêm chủng, chống sốc theo quy định.

b) Điểm tiêm chủng ngoài trạm, điểm tiêm chủng tại trường học

Tổ chức tiêm chủng ngoài trạm theo đúng nội dung văn bản số 1199/SYT-NV ngày 13/3/2020 của Sở Y tế về việc thành lập đội tiêm chủng lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020.

Mỗi điểm tiêm chủng ngoài trạm cũng thực hiện phương thức cuốn chiếu bằng cách thực hiện tiêm cho mọi đối tượng ở các địa bàn xa điểm tiêm chủng, các khu nhà trọ, các trường học.

Việc tổ chức tiêm chủng ngoài trạm cũng phải bố trí phòng tiêm riêng đủ rộng, đủ bàn ghế thực hiện được quy trình 1 chiều, trẻ xếp hàng một để vào phòng tiêm, tiêm chủng xong sẽ sang phòng theo dõi sau tiêm chủng có sự theo dõi của cán bộ y tế hoặc thầy, cô giáo. Khi hết 1 tổ hay 1 lớp mới cho trẻ về lớp để tránh gây mất trật tự, hay lẫn lộn giữa trẻ đã tiêm chủng và trẻ chưa được tiêm chủng.

Bảo đảm đúng yêu cầu về nhân lực tiêm chủng, chống sốc theo quy định.

5.3. Tổ chức buổi tiêm chủng

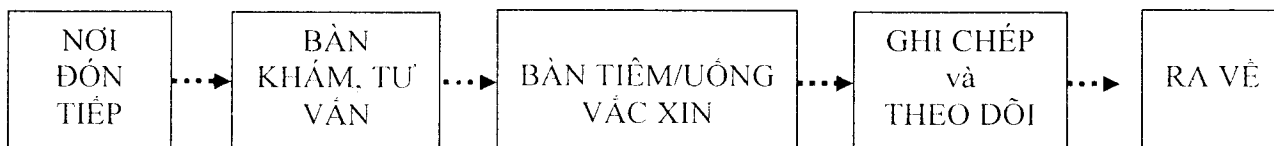
a) Số buổi tiêm chủng tại mỗi điểm tiêm phụ thuộc vào số đối tượng trên địa bàn, không quá 100 đối tượng/bàn tiêm/buổi tiêm (cho riêng vắc xin bại liệt) hoặc không quá 50 đối tượng/bàn tiêm/buổi tiêm nếu tiêm cùng các vắc xin khác.

b) Tổ chức buổi tiêm chủng theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng và Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

c) Khám, tư vấn, chỉ định và thực hành an toàn tiêm chủng

Thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Quyết định 2470/QĐ-BYT ngày 14/6/2019 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn khám sàng lọc trước tiêm chủng đối với trẻ em. Cán bộ y tế thực hiện khám, tư vấn và chỉ định tiêm vắc xin phải giải thích rõ cho cha, mẹ, người giám hộ của trẻ đầy đủ các nội dung liên quan đến việc cần thiết phải tiêm vắc xin cũng như cách theo dõi trẻ sau tiêm, cách xử trí các trường hợp phản ứng sau tiêm nếu có, cũng như thông báo số điện thoại cấp cứu để người dân được biết để liên lạc khi cần thiết...;

Tổ chức điểm tiêm chủng vắc xin một chiều theo thứ tự:



Chú ý: Không được ghi sổ/phieu tiêm chủng trước khi cho trẻ uống/tiêm vắc xin

d) Rà soát và cho tiêm/uống vét

Những trẻ thuộc diện đối tượng đã được đăng ký hoặc chưa được đăng ký có mặt tại địa bàn ở thời điểm triển khai cần được tiêm/uống vét. Tiêm/uống vét là hoạt động bắt buộc cần được dự kiến trong kế hoạch. Để hạn chế số trẻ bị bỏ sót cần thực hiện các nội dung sau:

- Trong buổi tiêm chủng: Phối hợp với các cộng tác viên cơ sở để thông báo và vận động cha mẹ đưa trẻ đến tiêm chủng. Bổ sung thêm vào danh sách các trẻ vắng lai và thống kê riêng theo mẫu ghi chép và báo cáo.

- Vào cuối mỗi buổi tiêm chủng: đánh dấu và xác định các trẻ chưa tiêm chủng trong danh sách đã đăng ký ban đầu cũng như trẻ vắng lai mới phát hiện. Kịp thời thông báo trên loa truyền thanh hoặc tìm cách thông báo cho gia đình những trẻ chưa được tiêm chủng để đưa trẻ đến.

- Cuối đợt: Tổng hợp số lượng trẻ chưa tiêm chủng cần được tiêm vét để bố trí đội tiêm chủng, xác định thời gian và hậu cần vật tư cho tiêm vét. Phân công cán bộ liên hệ với các hộ gia đình thông báo lại địa điểm và thời gian tiêm vét và huy động trẻ đối tượng ra tiêm chủng.

- Đối với các trường hợp tạm hoãn: cần có kế hoạch tiêm vét vào ngày tiêm chủng thường xuyên trong tháng ngay sau đó.

5.4. Bảo quản vắc xin IPV và bOPV

- Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ và Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Vắc xin IPV và bOPV cần được giữ lạnh ở nhiệt độ 2°C - 8°C trong suốt quá trình tiếp nhận, bảo quản và sử dụng cho các đối tượng.

5.5. Phòng chống sốc

- Bố trí trang bị, nhân lực tại chỗ, sự hỗ trợ và tham gia công tác phòng chống sốc của hệ điều trị (có bảng phân công cơ sở điều trị/đội cấp cứu lưu động hỗ trợ cho từng huyện/xã).

- Giám sát, báo cáo phản ứng sau tiêm: Trong thời gian triển khai, thực hiện giám sát và báo cáo nhanh các trường hợp phản ứng nặng, cụm phản ứng sau tiêm chủng theo quy định.

- Các Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai, Đa khoa Thống Nhất, Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai, các Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh, Long Thành, Định Quán, các Trung tâm Y tế huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa, Bệnh viện Công ty Cao su hỗ trợ tổ chức điểm tiếp nhận, xử lý các trường hợp có phản ứng sau khi tiêm vắc xin của trẻ, đảm bảo các trường hợp này được xử lý cấp cứu và theo dõi đúng quy định.

- Tại mỗi điểm tiêm chủng cố định/lưu động ngoài trạm bố trí ít nhất 2 hộp thuốc cấp cứu phản vệ theo quy định của Bộ Y tế.

- Các cán bộ y tế phải nắm vững và thực hiện đúng những biện pháp phòng chống sốc đã được hướng dẫn trong Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Phân công cụ thể cán bộ chuyên môn trực cấp cứu tại các cơ sở y tế để xử trí kịp thời các phản ứng sau tiêm chủng.

- Thông báo danh sách, số điện thoại liên lạc, địa chỉ của các bệnh viện, phòng khám đa khoa gần nhất là nơi tiếp nhận nếu có trường hợp trẻ bị sốc.

- Thành lập đội cấp cứu và vận chuyển lưu động của bệnh viện hỗ trợ khi cần thiết.

- Cần thông báo cho gia đình trẻ là không nên để trẻ đói khi đi tiêm chủng. Tại điểm tiêm chủng cần chuẩn bị sẵn nước đường cho trẻ uống khi trẻ đến tiêm vào cuối buổi sáng hay cuối chiều.

6. Kiểm tra, giám sát

Trung tâm Y tế các huyện, thành phố phối hợp cùng Phòng Y tế huyện tham mưu để UBND địa phương tổ chức, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể cùng thực hiện kiểm tra giám sát địa bàn trực thuộc về các nội dung chính sau:

6.1. Kiểm tra, giám sát hoạt động trước chiến dịch

Mục đích giám sát trước chiến dịch là để đánh giá điều kiện đảm bảo kế hoạch được hoàn thành và tiến độ các hoạt động chuẩn bị sẵn sàng theo kế hoạch được thực hiện kịp thời, đặc biệt các hoạt động như:

- Danh sách đối tượng tiêm chủng đã được điều tra thống kê theo từng địa bàn và số lượng trẻ theo độ tuổi được tổng hợp đầy đủ và chính xác.

- Công tác chỉ đạo và sự phối hợp với các ban, ngành tại cơ sở và từ tuyến trên để đảm bảo thực hiện các hoạt động chuẩn bị chiến dịch.

- Kế hoạch triển khai chiến dịch và tiến độ thực hiện, kể cả hoạt động truyền thông huy động cộng đồng, kế hoạch và thực tế chuẩn bị đầy đủ vắc xin vật tư và phương tiện chuẩn bị phòng chống sốc.

Cán bộ địa phương tại các tuyến cần phối hợp với giám sát viên khi được giám sát và sau đó khẩn trương thực hiện các biện pháp cải thiện chất lượng hoạt động và thúc đẩy tiến độ chuẩn bị sẵn sàng chiến dịch. Đảm bảo 100% số xã được giám sát kiểm tra trước chiến dịch nhằm kịp thời phát hiện sai sót và được hỗ trợ chấn chỉnh.

6.2. Giám sát trong chiến dịch

Hoạt động giám sát góp phần đảm bảo chất lượng và an toàn tiêm chủng đồng thời không bị bỏ sót đối tượng tiêm chủng. Giám sát trong chiến dịch ở các tuyến gồm những công việc chính sau:

- Giám sát thực hành an toàn tiêm chủng.

- Giám sát tiến độ thực hiện, phát hiện trẻ bị bỏ sót.

- Giám sát việc thu, huỷ bơm kim tiêm.
- Những hoạt động hỗ trợ tích cực trong chiến dịch.
- Ghi chép và báo cáo đầy đủ.

6.3. Giám sát sau chiến dịch

Giám sát sau chiến dịch để đánh giá tại thời điểm vừa kết thúc chiến dịch nhằm đánh giá nhanh kết quả chiến dịch để có kế hoạch tiêm vét tại những vùng còn bỏ sót đối tượng trong chiến dịch. Ưu tiên đánh giá tại các địa bàn khó khăn, vùng giáp ranh có nguy cơ chưa đạt được các mục tiêu của chiến dịch. Nội dung giám sát gồm:

- Thống kê và báo cáo.
- Bảo quản vắc xin, dung môi chưa sử dụng.
- Chỉ đạo tiêm vét các đối tượng còn sót, chưa tiêm chủng.

7. Thống kê, báo cáo

- Báo cáo kết quả điều tra: Trung tâm Y tế các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo kết quả điều tra của xã, phường, thị trấn về UBND huyện, Sở Y tế và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trong quý IV năm 2020. Báo cáo kết quả thực hiện trong và sau khi kết thúc chiến dịch.

- **Tại điểm tiêm/uống vắc xin:** Báo cáo nhanh số cộng dồn các đối tượng đã được tiêm chủng mỗi ngày trong chiến dịch.

- **Các Trạm Y tế tổng hợp từ các điểm tiêm** và báo cáo hằng ngày: Tổng hợp số liệu tại các điểm về Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa trước **15 giờ 00 phút** bằng điện thoại để theo dõi tiến độ.

- **Trung tâm Y tế các huyện** báo cáo về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh kết quả cho trẻ tiêm hàng ngày trước **15 giờ 30 phút** để tổng hợp kết quả, theo dõi tiến độ và báo cáo Sở Y tế.

- **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh** nhận báo cáo nhanh hàng ngày, tổng hợp và báo cáo tiến độ thực hiện chiến dịch trước **16 giờ 30 phút**, báo cáo về ban chỉ đạo cấp tỉnh, Viện Pasteur, Sở Y tế. Tổng hợp báo cáo kết quả chiến dịch và báo cáo Viện Pasteur, Sở Y tế trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc chiến dịch.

- Thực hiện báo cáo kết quả tiêm chủng lên tuyến trên hàng tuần trong thời gian tổ chức tiêm chủng và báo cáo tổng hợp kết quả trong vòng 3 ngày sau khi kết thúc hoạt động đối với tuyến xã/phường, 7 ngày đối với tuyến huyện, và 14 ngày đối với tuyến tỉnh.

- Theo dõi, báo cáo tình hình phản ứng sau tiêm vắc xin theo thường quy, ghi chép, báo cáo kết quả cùng với báo cáo tiêm chủng. Các trường hợp tai biến nặng được điều tra và báo cáo theo quy định. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổng hợp kết quả triển khai, tình hình phản ứng sau tiêm vắc xin IPV tại các huyện, thành phố và báo cáo Bộ Y tế trong vòng 01 tháng sau khi kết thúc hoạt động.

IV. KINH PHÍ

- Kinh phí cho Chiến dịch tiêm vắc xin IPV dự kiến: **1.700.000.000 đồng**

(Phụ lục 3, Phụ lục 5 đính kèm)

- Kinh phí cho Chiến dịch uống vắc xin bOPV dự kiến: **1.755.000.000 đồng**

(Phụ lục 4, Phụ lục 6 đính kèm)

Tổng cộng: **3.455.000.000đ**

Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn.

Kinh phí trên không bao gồm: kinh phí vắc xin, vật tư tiêm chủng do Trung ương cấp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai Chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin IPV và Chiến dịch uống bổ sung vắc xin bOPV cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện việc giám sát, theo dõi và báo cáo thường xuyên kết quả thực hiện; Chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh phối hợp tổ chức thực hiện việc khám sàng lọc trước tiêm chủng, cấp cứu và xử trí kịp thời các phản ứng sau tiêm chủng.

- Phối hợp cùng Ngành Giáo dục – đào tạo trong quá trình triển khai chiến dịch, chỉ đạo các đơn vị cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết về tổ chức chiến dịch cho Ngành Giáo dục và đào tạo cùng các cơ quan thông tin đại chúng để phổ biến đến các trường học biết, chủ động chuẩn bị chu đáo, hỗ trợ cho công tác tiêm chủng của Trạm Y tế tại các trường học.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện tốt các nội dung sau:

a) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức từng chiến dịch, hướng dẫn các đơn vị thực hiện, tổ chức thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

- Tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của chiến dịch để vận động người dân đưa con tham gia tiêm vắc xin; Phối hợp với Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai, Báo Lao Động Đồng Nai, các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông về ý nghĩa, tầm quan trọng, thời gian tổ chức chiến dịch trên địa bàn tỉnh.

- Tập huấn công tác tổ chức chiến dịch cho cán bộ y tế các Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa.

- Liên hệ Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo sẵn sàng vắc xin, vật tư tiêm chủng cấp phát cho các đơn vị thực hiện.

- Tổ chức giám sát hỗ trợ các đơn vị trong quá trình tổ chức triển khai chiến dịch.

- Cập nhật, báo cáo kết quả tổ chức tiêm chủng tại các địa phương.

b) Trung tâm Y tế các huyện, thành phố:

- Phối hợp cùng Phòng Y tế xây dựng kế hoạch tổ chức Chiến dịch tiêm chủng tại địa phương.

- Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn hướng dẫn Trạm Y tế xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra đối tượng, tổ chức điểm tiêm chủng, theo dõi sau tiêm, xử trí các trường hợp phản ứng phản vệ sau tiêm.

- Phối hợp với các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tổ chức các đội cấp cứu lưu động, sẵn sàng hỗ trợ cấp cứu ngoại viện, tiếp nhận và xử trí cấp cứu đối với các trường hợp phản ứng phản vệ hoặc cấp cứu có liên quan.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hỗ trợ trạm y tế trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và thống kê báo cáo theo quy định.

- Thanh quyết toán kinh phí tổ chức chiến dịch.

- Chỉ đạo các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:

- + Xây dựng kế hoạch tổ chức Chiến dịch tiêm chủng tại địa phương.

- + Tổ chức điều tra lập danh sách đối tượng;

- + Tổ chức điểm tiêm chủng đúng quy định, đảm bảo an toàn tiêm chủng;

- + Thực hiện công tác thống kê báo cáo hàng ngày, báo cáo kết quả chiến dịch và nhập liệu trên phần mềm hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia;

- + Thực hiện công tác thanh quyết toán ngay sau khi kết thúc đợt tiêm vét của chiến dịch.

c) Các Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai, Thống Nhất, Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai, các Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh, Long Thành, Định Quán, Bệnh viện Công ty Cao su, các Trung tâm Y tế và Bệnh viện ngoài công lập:

Thông báo số điện thoại đường dây cấp cứu, thành lập đội cấp cứu lưu động, bố trí điểm tiếp nhận, xử lý các trường hợp có phản ứng sau khi tiêm vắc xin của trẻ, đảm bảo các trường hợp này được xử lý cấp cứu và theo dõi đúng quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp Sở Y tế trong việc điều tra, lập danh sách đối tượng tiêm chủng, kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi triển khai chiến dịch tại các trường mầm non.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục – Đào tạo các huyện, thành phố, các trường mầm non về phối hợp với ngành y tế trong việc triển khai các chiến dịch.

- Tuyên truyền ý nghĩa, lợi ích của hoạt động bổ sung vắc xin cho trẻ đến đội ngũ cán bộ, giáo viên khối mầm non, vận động phụ huynh đồng ý cho con em ra địa điểm để tiêm chủng vắc xin.

3. Sở Tài chính

Có trách nhiệm xem xét, cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện kế hoạch.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành liên quan chỉ đạo các cơ quan thông tin, báo chí tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng, thời gian tổ chức của chiến dịch để vận động người dân đưa con đến tiêm chủng.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch tổ chức Chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin IPV và Chiến dịch uống bổ sung vắc xin bOPV trên địa bàn huyện, thành phố.

- Chỉ đạo Trung tâm Y tế, Phòng Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố, các ban, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các xã, phường thị trấn tổ chức triển khai thực hiện chiến dịch trên địa bàn. Hỗ trợ kinh phí bổ sung cho thực hiện chiến dịch tại địa phương.

- Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, vận động thực hiện Chiến dịch trên địa bàn.

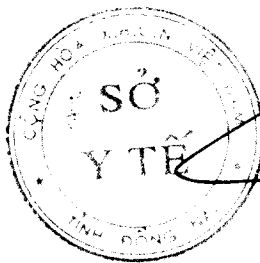
6. Đề nghị Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh phối hợp với Sở Y tế vận động hội viên và gia đình hội viên có con trong độ tuổi chưa được tiêm chủng đang sinh sống trên địa bàn tỉnh, không phân biệt hộ khẩu thường trú hay tạm trú đưa con đến địa điểm tiêm chủng để được tiêm chủng.

Trên đây là Kế hoạch triển khai bổ sung vắc xin bại liệt tiêm (IPV) và vắc xin bại liệt uống (bOPV) cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020-2021. Sở Y tế đề nghị các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên hệ Sở Y tế để hỗ trợ giải quyết hoặc tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời./

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Cục YTDP-BYT;
- Viện Pasteur TP.HCM;
- UBND tỉnh;
- BGĐ SYT;
- Các đơn vị tại mục V;
- Website SYT;
- Lưu: VT, KHTC, NV.

GIÁM ĐỐC

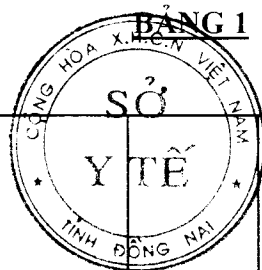


Phan Huy Anh Vũ

PHỤ LỤC 1

**BẢNG THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH TIÊM BỔ SUNG VẮC XIN IPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021**

(Đính kèm Kế hoạch số. **6090**/KH-SYT ngày **06/10/2020** của Sở Y tế Đồng Nai)

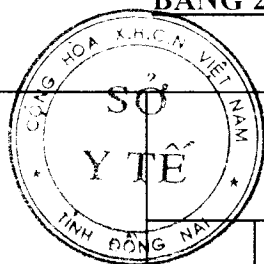


STT	Huyện	Số xã	Bệnh viện/ Trung tâm Y tế huyện, thành phố	Số ấp	Số trường học Mầm non, mẫu giáo	Tổng số đối tượng chiến dịch tiêm vắc xin IPV			
						(Trẻ sinh từ 01/03/2016- 31/12/2016)	(Trẻ sinh từ 01/01/2017- 31/12/2017)	(Trẻ sinh từ 01/01/2018- 28/02/2018)	Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Biên Hòa	30	5	200	110	15785	17944	3022	36.751
2	Vĩnh Cửu	12	1	65	14	2186	2295	424	4.905
3	Xuân Lộc	15	1	92	20	3496	4169	638	8.303
4	Tân Phú	18	1	94	23	2244	2933	421	5.598
5	Thống Nhất	10	1	47	20	2488	3063	475	6.026
6	Long Thành	14	1	97	27	2970	4100	687	7.757
7	Định Quán	14	1	112	22	3038	3505	563	7.106
8	Long Khánh	15	2	59	19	1943	2269	394	4.606
9	Nhơn Trạch	12	1	53	15	3491	4086	670	8.247
10	Cẩm Mỹ	13	1	74	20	1885	2278	369	4.532
11	Trảng Bom	17	1	71	30	5333	5936	980	12.249
12	TTKSBT Đồng Nai					0	0	0	0
TOÀN TỈNH		170	16	964	320	44.859	52.578	8.643	106.080

PHỤ LỤC 1

BẢNG THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH TIÊM BỔ SUNG VẮC XIN IPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021

(Đính kèm Kế hoạch số: **6090/KH-SYT** ngày **06/10/2020** của Sở Y tế Đồng Nai)

BẢNG 2

Đại biểu tham dự Hội nghị triển khai và tập huấn

STT	Huyện	Số lượng hội nghị	Lãnh đạo UBND huyện, thành phố	Các bệnh viện	Phòng y tế	Lãnh đạo UBND xã/phường/thị trấn	Sở Y tế	Sở Giáo dục	Lãnh đạo các Trường Mầm non, mẫu giáo	Các ban ngành đoàn thể	Lãnh đạo TTYT	Lãnh đạo, cán bộ Khoa KSBT/KSBT-HIV/AIDS Chuyên trách TCMR và thủ kho tuyển huyện	Trưởng Trạm Y tế	Chuyên Trách TCMR tuyển xã	Cán bộ giám sát tuyển tỉnh, huyện	Cán bộ tham gia công tác tiêm chủng, thủ kho tuyển xã
1	2	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	26
1	Biên Hòa	1	1	0	1	30	0	0	110	3	1	5	30	30	5	150
2	Vĩnh Cửu	1	1	0	1	12	0	0	14	3	1	5	12	12	5	60
3	Xuân Lộc	1	1	0	1	15	0	0	20	3	1	5	15	15	5	75
4	Tân Phú	1	1	0	1	18	0	0	23	3	1	5	18	18	5	90
5	Thống Nhất	1	1	0	1	10	0	0	20	3	1	5	10	10	5	50
6	Long Thành	1	1	0	1	14	0	0	27	3	1	5	14	14	5	70
7	Định Quán	1	1	0	1	14	0	0	22	3	1	5	14	14	5	70
8	Long Khánh	1	1	0	1	15	0	0	19	3	1	5	15	15	5	75
9	Nhơn Trạch	1	1	0	1	12	0	0	15	3	1	5	12	12	5	60
10	Cẩm Mỹ	1	1	0	1	13	0	0	20	3	1	5	13	13	5	65
11	Trảng Bom	1	1	0	1	17	0	0	30	3	1	5	17	17	5	85
12	TTKSBT Đồng Nai	1	0	12	11	0	2	2	2	0	11	33	0	0	10	0
TOÀN TỈNH		12	11	12	22	170	2	2	322	33	22	88	170	170	65	850

PHỤ LỤC 1

**BẢNG THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH TIÊM BỔ SUNG VẮC XIN IPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021**

(Đính kèm Kế hoạch số: **6090**/KH-SYT ngày **06/10/2020** của Sở Y tế Đồng Nai)

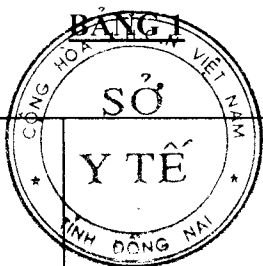
**BẢNG 3**

<

PHỤ LỤC 2

**BẢNG THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH UỐNG BỔ SUNG VẮC XIN bOPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021**

(Đính kèm Kế hoạch số **6090**/KH-SYT ngày **06/10/2020** của Sở Y tế Đồng Nai)

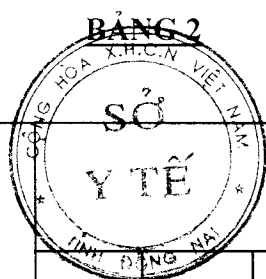


STT	Huyện	Số xã	Bệnh viện/ Trung tâm Y tế huyện, thành phố	Số ấp	Số trường học Mẫu non, mẫu giáo	(Trẻ sinh từ 01/01/2015- 31/12/2019)	Dự kiến số lượng vắc xin bOPV	Số đầu nhỏ g
1	2	3	4	5	6	9		
1	Biên Hòa	30	5	200	110	81955	196700	9835
2	Vĩnh Cửu	12	1	65	14	11425	27420	1371
3	Xuân Lộc	15	1	92	20	19635	47120	2356
4	Tân Phú	18	1	94	23	11840	28420	1421
5	Thống Nhất	10	1	47	20	14100	33840	1692
6	Long Thành	14	1	97	27	17530	42080	2104
7	Định Quán	14	1	112	22	16845	40420	2021
8	Long Khánh	15	2	59	19	8930	21440	1072
9	Nhon Trạch	12	1	53	15	19585	47000	2350
10	Cẩm Mỹ	13	1	74	20	10455	25100	1255
11	Trảng Bom	Đã tổ chức chiến dịch uống bổ sung bOPV năm 2019, 2 vòng đạt 96,8%					0	0
12	TTKSBT Đồng Nai					0	0	0
TOÀN TỈNH		153	15	893	290	212.300	509.540	25.477

PHỤ LỤC 2

**BẢNG THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH UỐNG BỔ SUNG VẮC XIN BOPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021**

(Đính kèm Kế hoạch số: **6090/KH-SYT** ngày **06/10/2020** của Sở Y tế Đồng Nai)



STT	Huyện	Đại biểu tham dự Hội nghị triển khai và tập huấn															
		Số lượng hội nghị	Lãnh đạo UBND huyện, thành phố	Các bệnh viện	Phòng y tế	Lãnh đạo UBND xã/phường/tị trấn	Sở Y tế	Sở Giáo dục	Lãnh đạo các Trường Mầm non, mẫu giáo	Các ban ngành đoàn thể	Lãnh đạo TTYT	Lãnh đạo, cán bộ Khoa KSBT/KSBT-HIV/AIDS Chuyên trách TCMR và thủ kho tuyển huyện	Trưởng Trạm Y tế	Chuyên Trách TCMR tuyển xã	Cán bộ giám sát tuyển tỉnh, huyện	Cán bộ tham gia công tác tiêm chủng, thủ kho tuyển xã	Cộng
1	2	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	26	27
1	Biên Hòa	1	1	0	1	30	0	0	110	3	1	5	30	30	5	150	367
2	Vĩnh Cửu	1	1	0	1	12	0	0	14	3	1	5	12	12	5	60	127
3	Xuân Lộc	1	1	0	1	15	0	0	20	3	1	5	15	15	5	75	157
4	Tân Phú	1	1	0	1	18	0	0	23	3	1	5	18	18	5	90	184
5	Thống Nhất	1	1	0	1	10	0	0	20	3	1	5	10	10	5	50	117
6	Long Thành	1	1	0	1	14	0	0	27	3	1	5	14	14	5	70	156
7	Định Quán	1	1	0	1	14	0	0	22	3	1	5	14	14	5	70	151
8	Long Khánh	1	1	0	1	15	0	0	19	3	1	5	15	15	5	75	156
9	Nhon Trạch	1	1	0	1	12	0	0	15	3	1	5	12	12	5	60	128
10	Cẩm Mỹ	1	1	0	1	13	0	0	20	3	1	5	13	13	5	65	141
11	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	TTKSBT Đồng Nai	1	0	12	11	0	2	2	2	0	11	33	0	0	10	0	84
TOÀN TỈNH		11	10	12	21	153	2	2	292	30	21	83	153	153	60	765	1.765

PHỤ LỤC 2



**BẢNG THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH ỦNG BÓ SƯNG VẮC XIN bOPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021**

(Đính kèm Kế hoạch số ~~6090~~ /KH-SYT ngày 06/10/2020 của Sở Y tế Đồng Nai)

STT	Huyện	In ấn							Truyền thông trên các phương tiện thông tin tỉnh, huyện, xã (02 vòng)			Giám sát (tổng số lượt giám sát) 02 vòng			
		Phiếu khám chi định 2470/QĐ-BYT (02 vòng)	Bảng rôn			Phiếu điều tra đối tượng	Giấy mời (tờ)	Xác nhận tiêm vắc xin (tờ)	Phát thanh trên loa của xã, phường, thị trấn	Phát thanh trên đài truyền thanh huyện/ thành phố	Toạ đàm trên đài PTTH tỉnh	Trước chiến dịch	Trong chiến dịch	Sau chiến dịch	Cộng
1	2	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	41	42	43	44
1	Biên Hòa	164.000	60	5	0	2.400	82.000	82.000	1.800	60	0	36	36	24	96
2	Vĩnh Cửu	22.900	24	5	0	350	11.450	11.450	720	60	0	36	36	24	96
3	Xuân Lộc	39.300	30	5	0	600	19.650	19.650	900	60	0	36	36	24	96
4	Tân Phú	23.700	36	5	0	350	11.850	11.850	1.080	60	0	36	36	24	96
5	Thống Nhất	28.200	20	5	0	450	14.100	14.100	600	60	0	36	36	24	96
6	Long Thành	35.100	28	5	0	550	17.550	17.550	840	60	0	36	36	24	96
7	Định Quán	33.700	28	5	0	500	16.850	16.850	840	60	0	36	36	24	96
8	Long Khánh	17.900	30	5	0	300	8.950	8.950	900	60	0	36	36	24	96
9	Nhơn Trạch	39.200	24	5	0	600	19.600	19.600	720	60	0	36	36	24	96
10	Cẩm Mỹ	21.000	26	5	0	300	10.500	10.500	780	60	0	36	36	24	96
11	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	TTKSBT Đồng Nai	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	36	36	24	96
TOÀN TỈNH		425.000	306	50	2	6.400	212.500	212.500	9.180	600	1	396	396	264	1.056

**PHỤ LỤC 3. KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH TIÊM BỔ SUNG VẮC XIN IPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021**

*(Đính kèm Kế hoạch số: **6090** /KH-SYT ngày **06/10/2020** của Sở Y tế Đồng Nai)*

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Đối tượng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Ngày thực hiện	Thành tiền		
I. HỘI NGHỊ						111.150.000		
I.1 Hội nghị, tập huấn triển khai tuyến tỉnh						5.700.000	Sở Y tế, TTKSBT Đồng Nai	
1	Trang trí hội trường		1	500.000	1	500.000		
2	Tài liệu		84	20.000	1	1.680.000		
3	Nước uống		84	30.000	1	2.520.000		
4	Hỗ trợ giảng viên		1	500.000	1	1.000.000		
I.2 Hội nghị, tập huấn triển khai tuyến huyện						105.450.000	TTYT các huyện/thành phố	
5	Trang trí hội trường		11	500.000	1	5.500.000		
6	Tài liệu		1.867	20.000	1	37.340.000		
7	Nước uống		1.867	30.000	1	56.010.000		
8	Hỗ trợ giảng Viên		11	300.000	1	6.600.000		
II. Chi công tác chuẩn bị, tổ chức chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin bại liệt tại các địa điểm tiêm: bàn ghế, phòng bạt, điện, nước uống, đường, bố trí phòng tiêm chủng, giữ gìn trật tự ... (Chi theo thực tế)			320	1.000.000		320.000.000		Chương II, điều 4, mục 1 thông tư 26/2018/TT-BT ngày 21/03/2018
III. Hỗ trợ rà soát lập danh sách đối tượng trẻ ngoài cộng đồng (trẻ các khu nhà trọ, vùng sâu, vùng xa khó tiếp cận...)						359.772.000		
9	Hỗ trợ rà soát lập danh sách đối tượng trẻ ngoài cộng đồng (trẻ các khu nhà trọ, vùng sâu, vùng xa khó tiếp cận...): tại vùng I (Tp. Biên Hòa, Tp. Long Khánh, Trảng Bom, Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu), 545 ấp. Mức lương vùng I (NĐ 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019: 4.420.000) / 22 ngày = 200.000		545	200.000	2	218.000.000		Mục a, Khoản 5, Điều 3 Thông tư 109/2016/TT-H ngày 30/06/2016

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Đối tượng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Ngày thực hiện	Thành tiền		
10	Hỗ trợ rà soát lập danh sách đối tượng trẻ ngoài cộng đồng (trẻ các khu nhà trọ, vùng sâu, vùng xa khó tiếp cận...): tại vùng II (Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất), 251 ấp. Mức lương vùng II (NĐ 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019: 3.920.000) / 22 ngày = 178.000		251	178.000	2	89.356.000		Mục a, Khoản 5, Điều Thông tư 109/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016
11	Hỗ trợ rà soát lập danh sách đối tượng trẻ ngoài cộng đồng (trẻ các khu nhà trọ, vùng sâu, vùng xa khó tiếp cận...): tại vùng III (Tân Phú, Cẩm Mỹ), 168 ấp. Mức lương vùng III (NĐ 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019: 3.430.000) / 22 ngày = 156.000		168	156.000	2	52.416.000		
IV. TIỀN CÔNG TIÊM CHỦNG						212.160.000		
12	Công tiêm chiến dịch tiêm vắc xin IPV		106.080	2.000	1	212.160.000		mục 2b, điều 6, thông tư 26/2018/TT-BTC ngày 21/03/2018
V. TIỀN BÔNG VÀ CỒN SÁT TRÙNG, ĐÁ BẢO QUẢN VẮC XIN						17.008.000		
13	Tiền bông và cồn chiến dịch tiêm vắc xin IPV		106.080	100	-	10.608.000		Quyết định số 4035/U ngày 24/09/2002 của UBND tỉnh Đồng Nai.
14	Đá bảo quản vắc xin	4,000 đồng/ngày/đội x 1 đội x 5 ngày/đợt x số trường học	320	4.000		6.400.000		
VI. IN ẤN + BĂNG RÔN						368.732.500		
15	Phiếu khám chi định	Phiếu khám chi định 2470/QĐ-BYT (đơn giá:250đồng/tờ)	106.800	250	-	26.700.000	TTKSBT Đồng Nai	
16	Băng rôn	Băng rôn tuyên truyền tuyến xã	510	500.000	-	255.000.000		
		Băng rôn tuyên truyền tuyến huyện	60	500.000	-	30.000.000		
		Băng rôn tuyên truyền tuyến tỉnh	2	500.000	-	1.000.000		
17	Danh sách điều tra trẻ	Danh sách điều tra trẻ in 2 mặt giấy (tờ); đơn giá 450 đồng/tờ.	5.850	450		2.632.500		
18	Giấy mời (tờ)	Giấy mời (tờ); đơn giá: 250 đồng/tờ	106.800	250		26.700.000		
19	Xác nhận tiêm vắc xin (tờ)	Xác nhận tiêm vắc xin (tờ); đơn giá: 250 đồng/tờ.	106.800	250		26.700.000		
VII. TRUYỀN THÔNG						116.400.000		
20	Phát thanh trên loa truyền thanh xã/phường/thị trấn	2 đợt/ngày* (5 ngày trước chiến dịch+ 10 ngày trong chiến dịch)/xã = 30 đợt/xã x 170 xã	5.100	15000	-	76.500.000		Thông tư số: 145/2014/TT-BTC-BTTTT, điều 4, khoản 7b)
21	Phát thanh trên đài truyền thanh huyện/thị/thành phố	2 đợt/ngày* (15 ngày trước chiến dịch + 15 ngày trong chiến dịch)/huyện = 60 đợt/huyện x 11 huyện	660	15000	-	9.900.000		

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Đối tượng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Ngày thực hiện	Thành tiền		
22	Tọa đàm về phòng chống bệnh Bại liệt trên sóng ĐNRT (Ưu tiên khung giờ vàng)	1 buổi	Ký hợp đồng thực tế		-	30.000.000	TTKSBT Đồng Nai phối hợp đài truyền hình Đồng Nai	Thông tư số: 145/2014/TT-BTC-BTTTT, điều 4, khoản 2a)
VIII. GIÁM SÁT						46.080.000		
VIII.1. Giám sát trước chiến dịch								
23	Ban chỉ đạo tuyển tỉnh và cán bộ trung tâm KSBT giám sát công tác chuẩn bị của các tuyến	3 người/đoàn x 2 đoàn x 3 ngày/đợt x 2 đợt	36	40.000	-	1.440.000	TTKSBT Đồng Nai	Chương II, điều 4, mục thông tư 26/2018/TT-BTC, ngày 21/03/2018
24	Ban chỉ đạo tuyển huyện và cán bộ trung tâm Y tế đi giám sát công tác chuẩn bị của tuyến xã/phường/thị trấn	3 người/đoàn x 2 đoàn x 3 ngày/đợt x 2 đợt x 11 huyện	396	40.000	-	15.840.000	TTYT huyện/thành phố	
VIII.2. Giám sát trong chiến dịch								
25	Ban chỉ đạo tuyển tỉnh và cán bộ trung tâm KSBT giám sát công tác tiêm chủng tại các điểm tiêm	3 người/đoàn x 2 đoàn x 3 ngày/đợt x 2 đợt	36	40.000	-	1.440.000	Sở Y tế, TTKSBT Đồng Nai	Chương II, điều 4, mục thông tư 26/2018/TT-BTC, ngày 21/03/2018
26	Ban chỉ đạo tuyển huyện và cán bộ trung tâm Y tế đi giám sát công tác tiêm chủng tại các điểm tiêm	3 người/đoàn x 2 đoàn x 3 ngày/đợt x 2 đợt x 11 huyện	396	40.000	-	15.840.000	-	
VIII.3. Giám sát sau chiến dịch								
27	Ban chỉ đạo tuyển tỉnh và cán bộ trung tâm KSBT giám sát công tác thống kê báo cáo sau mỗi đợt chiến dịch, giám sát công tác tiêm vết	3 người/đoàn x 2 đoàn x 2 ngày/đợt x 2 đợt	24	40.000	-	960.000	TTKSBT Đồng Nai	Chương II, điều 4, mục thông tư 26/2018/TT-BTC, ngày 21/03/2018
28	Ban chỉ đạo tuyển huyện và cán bộ trung tâm Y tế đi giám sát công tác thống kê báo cáo sau mỗi đợt chiến dịch, giám sát công tác tiêm vết	3 người/đoàn x 2 đoàn x 2 ngày/đợt x 2 đợt x 11 huyện	264	40.000	-	10.560.000	TTYT huyện/thành phố	
IX. KINH PHÍ KHÁC						148.697.500		
29	Kinh phí khác để ban chỉ đạo chiến dịch cấp tỉnh thực hiện: xăng xe, khen thưởng, họp tổng kết,.....				-	112.697.500	TTKSBT Đồng Nai	
30	Tiêu hủy bơm kim tiêm	(10 huyện + Biên Hòa (02)) x 3.000.000đ (chi theo thực tế)				36.000.000	Các huyện	Chương II, điều 4, mục thông tư 26/2018/TT-BTC, ngày 21/03/2018
	TỔNG CỘNG					1.700.000.000		

Tổng kinh phí nguồn địa phương: 1.700.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm triệu đồng chẵn.

PHỤ LỤC 4. KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH UỐNG BỔ SUNG VẮC XIN BOPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021

(Đính kèm Kế hoạch số: **6090** /KH-SYT ngày **06** /10/2020 của Sở Y tế Đồng Nai)

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Đối tượng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Ngày thực hiện	Thành tiền		
I. HỘI NGHỊ						100.900.000		
I.1 Hội nghị, tập huấn triển khai tuyến tỉnh						5.700.000	Sở Y tế, TTKSBT Đồng Nai	Điểm a, khoản 2, điều 4 TT 26/2018/TT-BTC
1	Trang trí hội trường		1	500.000	1	500.000		
2	Tài liệu		84	20.000	1	1.680.000		
3	Nước uống		84	30.000	1	2.520.000		
4	Hỗ trợ giảng Viên		1	500.000	1	1.000.000		
I.2 Hội nghị, tập huấn triển khai tuyến huyện						95.200.000	TTYT các huyện/thành phố	Điểm a, khoản 2, điều 4 TT 26/2018/TT-BTC
5	Trang trí hội trường		10	500.000	1	5.000.000		
6	Tài liệu		1.684	20.000	1	33.680.000		
7	Nước uống		1.684	30.000	1	50.520.000		
8	Hỗ trợ giảng Viên		10	300.000	1	6.000.000		
II. Chi chuẩn bị địa điểm tổ chức chiến dịch uống bổ sung vắc xin bại liệt tại các trường học Mẫu non, mẫu giáo: bàn ghế, phong bật, điện, nước uống, đường, bố trí phòng tiêm chủng, giữ gìn trật tự ... (Chi theo thực tế)			290	1.000.000		290.000.000		Chương II, điều 4, mục 19c, từ 26/2018/TT-BTC ngày 21/03/2018
III. Hỗ trợ rà soát lập danh sách đối tượng trẻ ngoài cộng đồng (trẻ các khu nhà trọ, vùng sâu, vùng xa khó tiếp cận...)						331.372.000		
9	Hỗ trợ rà soát lập danh sách đối tượng trẻ ngoài cộng đồng (trẻ các khu nhà trọ, vùng sâu, vùng xa khó tiếp cận...): tại vùng I (Tp. Biên Hòa, Tx. Long Khánh, Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu), 474 ấp. = Mức lương tháng vùng I (NĐ 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019: 4.420.000) x 22 ngày x 200.000		474	200.000	2	189.600.000		Mục a, Khoản 5, Điều 3 Th 109/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016

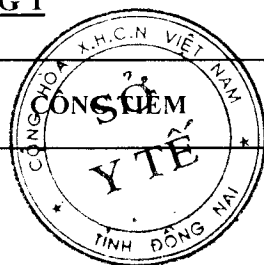
STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Đối tượng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Ngày thực hiện	Thành tiền		
10	Hỗ trợ rà soát lập danh sách đối tượng trẻ ngoài cộng đồng (trẻ các khu nhà trọ, vùng sâu, vùng xa khó tiếp cận...): tại vùng II (Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất), 251 ấp. = Mức lương tháng vùng II (NĐ 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019: 3.920.000) x 22 ngày = 178.000		251	178.000	2	89.356.000		Mục a, Khoản 5, Điều 3 Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016
11	Hỗ trợ rà soát lập danh sách đối tượng trẻ ngoài cộng đồng (trẻ các khu nhà trọ, vùng sâu, vùng xa khó tiếp cận...): tại vùng III (Tân Phú, Cẩm Mỹ), 168 ấp. = Mức lương tháng vùng III (NĐ 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019: 3.430.000) x 22 ngày = 156.000		168	156.000	2	52.416.000		
IV. TIỀN CÔNG CHO UỐNG VẮC XIN						424.600.000		
12	Công cho uống bổ sung vắc xin bOPV		212.300	2.000	1	424.600.000		mục 2b, điều 6, thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016
V. TIỀN ĐÁ BẢO QUẢN VẮC XIN						5.800.000		
13	Đá bảo quản vắc xin	4.000 đồng/ngày/đội x 1 đội x 5 ngày/đợt x số trường học	290	4.000		5.800.000		
VI. IN ẤN + BĂNG RÔN						394.380.000		
14	Phiếu khám chỉ định	Phiếu khám chỉ định 2470/QĐ-BYT (đơn giá: 250 đồng/tờ)	425.000	250	-	106.250.000	TTKSBT Đồng Nai	
15	Băng rôn	Băng rôn tuyên truyền tuyến xã	306	500.000	-	153.000.000		
		Băng rôn tuyên truyền tuyến huyện	50	500.000	-	25.000.000		
		Băng rôn tuyên truyền tuyến tỉnh	2	500.000	-	1.000.000		
16	Danh sách điều tra trẻ	Danh sách điều tra trẻ in 2 mặt giấy (tờ); đơn giá 450 đồng/tờ.	6.400	450		2.880.000		
17	Giấy mời (tờ)	Giấy mời (tờ); đơn giá: 250 đồng/tờ	212.500	250		53.125.000		
18	Xác nhận tiêm vắc xin (tờ)	Xác nhận tiêm vắc xin (tờ); đơn giá: 250 đồng/tờ.	212.500	250		53.125.000		
VII. TRUYỀN THÔNG						146.700.000		
19	Phát thanh trên loa truyền thanh xã/phường/thị trấn	2 đợt/ngày* (5 ngày trước chiến dịch+ 10 ngày trong chiến dịch)/xã * 02 vòng = 30 đợt/xã x 153 xã * 02 vòng	9.180	15000	-	137.700.000		Thông tư số: 145/2014/T

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Đối tượng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Ngày thực hiện	Thành tiền		
20	Phát thanh trên đài truyền thanh huyện/thị/thành phố	2 đợt/ngày* (5 ngày trước chiến dịch + 10 ngày trong chiến dịch)/huyện * 02 vòng = 30 đợt/huyện x 10 huyện * 02 vòng	600	15000	-	9.000.000		BTC-BTTTT, điều 4, khoản
VIII. GIÁM SÁT						42.240.000		
VIII.1. Giám sát trước chiến dịch								
21	Ban chỉ đạo tuyển tình và cán bộ trung tâm KSBT giám sát công tác chuẩn bị của các tuyến	3 người/đoàn x 2 đoàn x 3 ngày/đợt x 2 đợt	36	40.000	-	1.440.000	TTKSBT Đồng Nai	Chương II, điều 4, mục 17b, từ 26/2018/TT-BTC ngày 21/03/2018
22	Ban chỉ đạo tuyển huyện và cán bộ trung tâm Y tế đi giám sát công tác chuẩn bị của tuyến xã/phường/thị trấn	3 người/đoàn x 2 đoàn x 3 ngày/đợt x 2 đợt x 10 huyện	360	40.000	-	14.400.000	TTYT huyện/thành phố	
VIII.2. Giám sát trong chiến dịch								
23	Ban chỉ đạo tuyển tình và cán bộ trung tâm KSBT giám sát công tác tiêm chủng tại các điểm tiêm	3 người/đoàn x 2 đoàn x 3 ngày/đợt x 2 đợt	36	40.000	-	1.440.000	Sở Y tế, TTKSBT Đồng Nai	Chương II, điều 4, mục 17b, từ 26/2018/TT-BTC ngày 21/03/2018
24	Ban chỉ đạo tuyển huyện và cán bộ trung tâm Y tế đi giám sát công tác tiêm chủng tại các điểm tiêm	3 người/đoàn x 2 đoàn x 3 ngày/đợt x 2 đợt x 10 huyện	360	40.000	-	14.400.000	-	
VIII.3. Giám sát sau chiến dịch								
25	Ban chỉ đạo tuyển tình và cán bộ trung tâm KSBT giám sát công tác thông kê báo cáo sau mỗi đợt chiến dịch, giám sát công tác tiêm vét	3 người/đoàn x 2 đoàn x 2 ngày/đợt x 2 đợt	24	40.000	-	960.000	TTKSBT Đồng Nai	Chương II, điều 4, mục 17b, từ 26/2018/TT-BTC ngày 21/03/2018
26	Ban chỉ đạo tuyển huyện và cán bộ trung tâm Y tế đi giám sát công tác thông kê báo cáo sau mỗi đợt chiến dịch, giám sát công tác tiêm vét	3 người/đoàn x 2 đoàn x 2 ngày/đợt x 2 đợt x 10 huyện	240	40.000	-	9.600.000	TTYT huyện/thành phố	
IX. KINH PHÍ KHÁC						19.008.000		
27	Kinh phí khác để ban chỉ đạo chiến dịch cấp tỉnh thực hiện: xăng xe, khen thưởng, họp tổng kết,.....				-	19.008.000	TTKSBT Đồng Nai	
TỔNG CỘNG						1.755.000.000		

Tổng kinh phí nguồn địa phương: 1.755.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn.

PHỤ LỤC 5

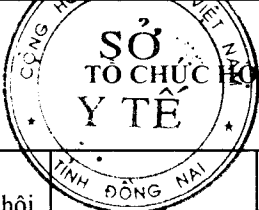
BẢNG 1
**BẢNG PHÂN BỐ KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH TIÊM BỔ SUNG VẮC XIN IPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021**
(Đính kèm Kế hoạch số: 6090 /KH-SYT ngày 06/10/2020 của Sở Y tế Đồng Nai)


TT	Đơn vị	IPV (công tiêm: 2.000đồng/mũi tiêm)	BÔNG BĂNG, SÁT TRÙNG IPV (đơn giá: 100 đồng/mũi tiêm)	Tiền đá bảo quản vắc xin khi tổ chức tiêm chủng ngoài trạm (đơn giá: 4000 đồng/ngày/đội tiêm/trường học)	Hỗ trợ rà soát lập danh sách đối tượng trẻ ngoài cộng đồng áp dụng Mục a, Khoản 5, Điều 3 Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016	Chi thuê địa điểm, tổ chức khám sàng lọc, chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin sởi- rubella tại trường học mầm non, mẫu giáo (nước uống, đường, bố trí phòng tiêm chủng, giữ gìn trật tự ...) đơn giá: 1.000.000 đồng/trường học
		3	4	5	6	7
1	Biên Hòa	73.502.000	3.675.100	2.200.000	72.000.000	110.000.000
2	Vĩnh Cửu	9.810.000	490.500	280.000	23.400.000	14.000.000
3	Xuân Lộc	16.606.000	830.300	400.000	29.440.000	20.000.000
4	Tân Phú	11.196.000	559.800	460.000	26.320.000	23.000.000
5	Thống Nhất	12.052.000	602.600	400.000	15.040.000	20.000.000
6	Long Thành	15.514.000	775.700	540.000	34.920.000	27.000.000
7	Định Quán	14.212.000	710.600	440.000	35.840.000	22.000.000
8	Long Khánh	9.212.000	460.600	380.000	21.240.000	19.000.000
9	Nhơn Trạch	16.494.000	824.700	300.000	19.080.000	15.000.000
10	Cẩm Mỹ	9.064.000	453.200	400.000	20.720.000	20.000.000
11	Trảng Bom	24.498.000	1.224.900	600.000	25.560.000	30.000.000
12	KSBT Đồng Nai	0	0	0	0	
TỔNG CỘNG		212.160.000	10.608.000	6.400.000	323.560.000	320.000.000
		212.160.000	10.608.000	6.400.000	323.560.000	320.000.000

PHỤ LỤC 5

**BẢNG PHÂN BỐ KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH TIÊM BỐ SUNG VẮC XIN IPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021**

(Đính kèm Kế hoạch số: **6090** /KH-SYT ngày **06**/10/2020 của Sở Y tế Đồng Nai)

TT	Đơn vị	 SỞ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ TẬP HUẤN Y TẾ				IN Ấn						
		Trang trí hội trường (đơn giá: 500.000 đồng/lớp)	Tài liệu (đơn giá: 20.000đồng/bộ)	Nước uống (đơn giá: 30.000 đồng/người/ngày)	Hỗ trợ giảng Viên (đơn giá tuyển tỉnh: 500.000 đồng/người/buổi; tuyển huyện: 300.000 đồng/người/buổi)	Phiếu khám chỉ định 2470/QĐ-BYT đơn giá: 250 đồng/tờ	Bảng rôn			Danh sách điều tra trẻ in 2 mặt giấy (tờ) đơn giá 450 đồng/tờ	Giấy mời (tờ) đơn giá: 250 đồng/tờ	Xác nhận tiêm vắc xi (tờ) đơn giá: 250 đồng/t
							Xã	Huyện	Tỉnh			
1	2	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Biên Hòa	500.000	7.340.000	11.010.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
2	Vĩnh Cửu	500.000	2.540.000	3.810.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
3	Xuân Lộc	500.000	3.140.000	4.710.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
4	Tân Phú	500.000	3.680.000	5.520.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
5	Thống Nhất	500.000	2.340.000	3.510.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
6	Long Thành	500.000	3.120.000	4.680.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
7	Định Quán	500.000	3.020.000	4.530.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
8	Long Khánh	500.000	3.120.000	4.680.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
9	Nhơn Trạch	500.000	2.560.000	3.840.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
10	Cẩm Mỹ	500.000	2.820.000	4.230.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
11	Trảng Bom	500.000	3.660.000	5.490.000	600.000	0	0	0	0	0	0	0
12	KSBT Đồng Nai	500.000	1.680.000	2.520.000	1.000.000	26.700.000	255.000.000	30.000.000	1.000.000	2.632.500	26.700.000	26.700.000
TỔNG CỘNG		6.000.000	39.020.000	58.530.000	7.600.000	26.700.000	255.000.000	30.000.000	1.000.000	2.632.500	26.700.000	26.700.000
		111.150.000					368.732.500					

PHỤ LỤC 5

BẢNG 3

**BẢNG PHÂN BỐ KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH TIÊM BỔ SUNG VẮC XIN IPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021**

(Đính kèm Kế hoạch số: **6090** /KH-SYT ngày **06** /10/2020 của Sở Y tế Đồng Nai)



TT	Đơn vị	TUYÊN THÔNG			Công giám sát (đơn giá: 40.000 đồng/người/ngày)	Hủy bơm kim tiêm, vật tư ... sau chiến dịch	Kinh phí khác để ban chỉ đạo chiến dịch cấp tỉnh thực hiện: xăng xe giám sát, khen thưởng, họp tổng kết,.....	Tổng cộng
		Phát thanh trên loa của xã/phường/thị trấn (đơn giá: 15.000 đồng/buổi)	Phát thanh trên đài truyền thanh huyện/thành phố (đơn giá: 15.000 đồng/buổi)	Tọa đàm trên đài PTTH tỉnh (Ưu tiên phát vào Khung giờ vàng)				
1	2	20	21	22	23	24	25	26
1	Biên Hòa	13.500.000	900.000	0	3.840.000	6.000.000	0	305.067.10
2	Vĩnh Cửu	5.400.000	900.000	0	3.840.000	3.000.000	0	68.570.50
3	Xuân Lộc	6.750.000	900.000	0	3.840.000	3.000.000	0	90.716.30
4	Tân Phú	8.100.000	900.000	0	3.840.000	3.000.000	0	87.675.80
5	Thống Nhất	4.500.000	900.000	0	3.840.000	3.000.000	0	67.284.60
6	Long Thành	6.300.000	900.000	0	3.840.000	3.000.000	0	101.689.70
7	Định Quán	6.300.000	900.000	0	3.840.000	3.000.000	0	95.892.60
8	Long Khánh	6.750.000	900.000	0	3.840.000	3.000.000	0	73.682.60
9	Nhơn Trạch	5.400.000	900.000	0	3.840.000	3.000.000	0	72.338.70
10	Cẩm Mỹ	5.850.000	900.000	0	3.840.000	3.000.000	0	72.377.20
11	Trảng Bom	7.650.000	900.000	0	3.840.000	3.000.000		107.522.90
12	KSBT Đồng Nai	0	0	30.000.000	3.840.000	0	148.909.500	557.182.00
TỔNG CỘNG		76.500.000	9.900.000	30.000.000	46.080.000	36.000.000	148.909.500	1.700.000.00
		116.400.000			46.080.000	36.000.000	148.909.500	1.700.000.00

PHỤ LỤC 6

BẢNG 1**BẢNG PHÂN BỐ KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH UỐNG BỔ SUNG VẮC XIN bOPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021**(Đính kèm Kế hoạch số: **6090** /KH-SYT ngày **06** /10/2020 của Sở Y tế Đồng Nai)

TT	Đơn vị	CÔNG TIÊM bOPV (công cho uống: 2.000đồng/liều uống vắc xin bOPV)	SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI CHUNG NGOÀI TRẠM (đơn giá: 4000 đồng/ngày/đội tiêm/trường học)	Hỗ trợ rà soát lập danh sách đối tượng trẻ ngoài cộng đồng áp dụng Mục a, Khoản 5, Điều 3 Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016	Thuê địa điểm, tổ chức khám sàng lọc, chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin sởi- rubella tại trường học Mầm non, mẫu giáo (nước uống, đường, bố trí phòng tiêm chủng, giữ gìn trật tự ...) đơn giá: 1.000.000 đồng/trường học	TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ TẬP HUẤN			
						Trang trí hội trường (đơn giá: 500.000 đồng/lớp)	Tài liệu (đơn giá: 20.000đồng/bộ)	Nước uống (đơn giá: 30.000 đồng/người/ngày)	Hỗ trợ giảng Viên (đơn giá tuyển tỉnh: 500.000 đồng/người/ buổi; tuyển huyện: 300.000 đồng/người/ buổi)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Biên Hòa	163.910.000	2.200.000	72.000.000	110.000.000	500.000	7.340.000	11.010.000	600.000
2	Vĩnh Cửu	22.850.000	280.000	23.400.000	14.000.000	500.000	2.540.000	3.810.000	600.000
3	Xuân Lộc	39.270.000	400.000	29.440.000	20.000.000	500.000	3.140.000	4.710.000	600.000
4	Tân Phú	23.680.000	460.000	26.320.000	23.000.000	500.000	3.680.000	5.520.000	600.000
5	Thống Nhất	28.200.000	400.000	15.040.000	20.000.000	500.000	2.340.000	3.510.000	600.000
6	Long Thành	35.060.000	540.000	34.920.000	27.000.000	500.000	3.120.000	4.680.000	600.000
7	Định Quán	33.690.000	440.000	35.840.000	22.000.000	500.000	3.020.000	4.530.000	600.000
8	Long Khánh	17.860.000	380.000	21.240.000	19.000.000	500.000	3.120.000	4.680.000	600.000
9	Nhơn Trạch	39.170.000	300.000	19.080.000	15.000.000	500.000	2.560.000	3.840.000	600.000
10	Cẩm Mỹ	20.910.000	400.000	20.720.000	20.000.000	500.000	2.820.000	4.230.000	600.000
11	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	0	0
12	KSBT Đồng Nai	0	0	0		500.000	1.680.000	2.520.000	1.000.000
TỔNG CỘNG		424.600.000	5.800.000	298.000.000	290.000.000	5.500.000	35.360.000	53.040.000	7.000.000
		424.600.000	5.800.000	298.000.000	290.000.000	100.900.000			

PHỤ LỤC 6

BẢNG 2

BẢNG PHÂN BỐ KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH UỐNG BỔ SUNG VẮC XIN bOPV
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020 - 2021(Đính kèm Kế hoạch số: **6090** /KH-SYT ngày **06** /10/2020 của Sở Y tế Đồng Nai)

TT	Đơn vị	Phiếu khám chỉ định 2470/QĐ- BYT đơn giá: 250 đồng/tờ	IN Án						TRUYỀN THÔNG		Công giám sát (đơn giá: 40.000 đồng/người/ ngày)	Kinh phí khác để ban chỉ đạo chiến dịch cấp tỉnh thực hiện: xăng xe giám sát, khen thưởng, họp tổng kết,.....	Tổng cộng
			Xã	Huyện	Tỉnh	Danh sách điều tra trẻ in 2 mặt giấy (tờ) đơn giá 450 đồng/tờ	Giấy mời (tờ) đơn giá: 250 đồng/tờ	Xác nhận tiêm vắc xin (tờ) đơn giá: 250 đồng/tờ	Phát thanh trên loa của xã/phường/thị trần (đơn giá: 15.000 đồng/buổi)	Phát thanh trên đài truyền thanh huyện/thị/ thành phố (đơn giá: 15.000 đồng/buổi)			
1	2	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Biên Hòa	0	0	0	0	0	0	0	27.000.000	900.000	3.840.000	0	399.30
2	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0	0	0	10.800.000	900.000	3.840.000	0	83.52
3	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	0	13.500.000	900.000	3.840.000	0	116.30
4	Tân Phú	0	0	0	0	0	0	0	16.200.000	900.000	3.840.000	0	104.70
5	Thống Nhất	0	0	0	0	0	0	0	9.000.000	900.000	3.840.000	0	84.33
6	Long Thành	0	0	0	0	0	0	0	12.600.000	900.000	3.840.000	0	123.70
7	Định Quán	0	0	0	0	0	0	0	12.600.000	900.000	3.840.000	0	117.90
8	Long Khánh	0	0	0	0	0	0	0	13.500.000	900.000	3.840.000	0	85.62
9	Nhơn Trạch	0	0	0	0	0	0	0	10.800.000	900.000	3.840.000	0	96.55
10	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	0	11.700.000	900.000	3.840.000	0	86.62
11	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	KSBT Đồng Nai	106.250.000	153.000.000	25.000.000	1.000.000	2.880.000	53.125.000	53.125.000	0	0	3.840.000	52.380.000	456.30
TỔNG CỘNG		106.250.000	153.000.000	25.000.000	1.000.000	2.880.000	53.125.000	53.125.000	137.700.000	9.000.000	42.240.000	52.380.000	1.755.00
		394.380.000							146.700.000		42.240.000	52.380.000	1.755.00